TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2025/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 22 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 51/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị M, sinh ngày 30/12/1989; nơi đăng ký thường trú: xóm P, xã L, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Nơi ở hiện nay: xóm Đ, xã N, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

- Bị đơn: Anh Phan Văn N, sinh ngày 01/01/1976; nơi cư trú: xóm P, xã L, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị M và anh Phan Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị M và anh Phan Văn N thỏa thuận nhất trí ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị M, anh N có 02 người con chung là: Phan Văn L, sinh ngày 25/11/2008 và Phan Thị M1, sinh ngày 14/4/2012. Sau khi ly hôn, chị M và anh N thoả thuận: Giao con chung Phan Văn L cho anh Phan Văn N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu L đủ 18 tuổi; Giao con chung Phan Thị M1 cho chị Phan Thị M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu M1 đủ 18 tuổi. Chị M và anh N không phải phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

2.3 Về tài sản chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Không có.

2.5 Về án phí: Áp dụng khoản 4, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 2, Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Phan Thị M và anh Phan Văn N mỗi người phải chịu số tiền 75.000 đồng án phí dân sự Hôn nhân gia đình sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, chị M tự nguyện nộp thay án phí hôn nhân cho anh N số tiền 75.000 đồng.Tổng số tiền chị M phải nộp là 150.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) chị M đã nộp tiền theo biên lai số: 0003608, ngày 27/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Cao Bằng. Chị M được hoàn lại số tiền 150.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Cao Bằng. Đương sự nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Lý Bôn (Để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim